ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 92 /2026/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định việc thực hiện hoạt động nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm kết hợp thu hồi sản phẩm từ hoạt động nạo vét trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 32509/TTr-SNNMT-QLĐT ngày 28 tháng 9 năm 2026; ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 12516/BC-STP ngày 26 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định việc thực hiện hoạt động nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm kết hợp thu hồi sản phẩm từ hoạt động nạo vét trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định việc thực hiện hoạt động nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm kết hợp thu hồi sản phẩm từ hoạt động nạo vét trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2026.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Cục KTVB và TCTH pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu;
- Các Đoàn thể TP, các cơ quan Báo, Đài TP;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Trung tâm TTĐT Thành phố (đăng tải);
- Phòng DA, ĐT, NCPC;
- Lưu: VT, (ĐT/ĐL).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về việc thực hiện hoạt động nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm kết hợp thu hồi sản phẩm từ hoạt động nạo vét trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 92 /2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định thực hiện hoạt động nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm kết hợp thu hồi sản phẩm từ hoạt động nạo vét trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do nhà nước quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu; cơ quan, tổ chức được giao quản lý, khai thác các công trình hồ chứa nước, đập chứa nước, ao, đầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và các chủ thể khác tham gia đầu tư, thực hiện hoạt động nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ chứa nước, đập chứa nước, ao, đầm theo Quy định này.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khảo sát, thiết kế, thi công, giám sát, nghiệm thu, quản lý, vận chuyển, tiêu thụ và xử lý sản phẩm từ hoạt động nạo vét.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động nâng cấp, sửa chữa, nạo vét nhằm khôi phục dung tích bị bồi lắng, bảo đảm duy trì năng lực thiết kế của hồ chứa, tăng dung tích hữu ích, dung tích phòng lũ, bảo đảm an toàn công trình và an ninh nguồn nước.

2. Bồi lắng lòng hồ là quá trình tích tụ tự nhiên hoặc do tác động của dòng chảy làm gia tăng lượng bùn, đất, cát và vật liệu khác trong lòng hồ chứa nước, đập chứa nước, ao, đầm, làm suy giảm dung tích theo thiết kế và ảnh hưởng đến việc vận hành công trình.

3. Sản phẩm từ hoạt động nạo vét là đất, cát, đá, bùn hoặc các loại vật liệu khác được đưa lên khỏi khu vực nạo vét trong quá trình thực hiện dự án.

4. Thu hồi sản phẩm từ hoạt động nạo vét là việc thu gom, phân loại, xác định khối lượng, chất lượng và giá trị của sản phẩm từ hoạt động nạo vét để quản lý, sử dụng hoặc xử lý theo quy định của pháp luật và theo Quy định này.

5. Dung tích chết là phần dung tích của hồ chứa nằm dưới mực nước chết theo thiết kế, có chức năng chứa bùn, cát và vật liệu bồi lắng trong quá trình vận hành công trình.

6. Phương án nạo vét là hồ sơ kỹ thuật xác định sự cần thiết, phạm vi, khối lượng, cao trình, giải pháp thi công, biện pháp bảo đảm an toàn công trình, bảo vệ môi trường, kiểm soát độ đục, hạn chế khuấy động bùn, bảo vệ chất lượng nguồn nước, phương án quản lý sản phẩm từ hoạt động nạo vét và các nội dung liên quan được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện.

7. Nhà đầu tư là tổ chức được cơ quan có thẩm quyền lựa chọn hoặc chấp thuận thực hiện dự án nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm theo quy định của pháp luật và theo Quy định này.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Khôi phục dung tích đã bị bồi lắng, duy trì các thông số thiết kế và bảo đảm điều kiện vận hành an toàn của hồ chứa nước, đập chứa nước, ao, đầm.

2. Bảo đảm an toàn công trình; duy trì khả năng tích nước, điều tiết nước, tiêu thoát nước**,** tăng dung tích hữu ích, dung tích phòng lũ; bảo đảm an toàn, ổn định về trữ lượng, chất lượng nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp; góp phần phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

3. Nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng công trình theo quy hoạch và thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Huy động nguồn lực ngoài ngân sách để thực hiện hoạt động nâng cấp, sửa chữa, nạo vét theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý, sử dụng và xử lý sản phẩm từ hoạt động nạo vét theo quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và không làm thay đổi bản chất của hoạt động nạo vét là hoạt động phục vụ quản lý, khai thác công trình; sử dụng hợp lý, hiệu quả sản phẩm từ hoạt động nạo vét theo quy định của pháp luật nhằm hạn chế lãng phí tài nguyên và góp phần bảo đảm nguồn vật liệu phục vụ phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án lớn, quan trọng của Thành phố.

Chương II

NÂNG CẤP, SỬA CHỮA, NẠO VÉT KẾT HỢP THU HỒI SẢN PHẨM

Điều 5. Nâng cấp, sửa chữa, nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm

1. Hoạt động nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm kết hợp thu hồi sản phẩm từ hoạt động nạo vét phải được lập thành dự án và thực hiện theo quy định tại Chương này.

2. Không thực hiện bán đấu giá đối với sản phẩm thu hồi từ hoạt động nạo vét quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Trình tự thực hiện dự án

1. Các cơ quan, tổ chức được giao quản lý, khai thác công trình đề xuất, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố công bố danh mục nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ, đập chứa nước, ao, đầm kết hợp thu hồi sản phẩm từ hoạt động nạo vét.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án), rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương cho phép doanh nghiệp tổ chức khảo sát, khoan thăm dò để đánh giá hiện trạng công trình, mức độ bồi lắng, xác định khối lượng, chất lượng sản phẩm thu hồi từ hoạt động nạo vét và tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án theo quy định tại Điều 8, 9, 10 của Quy định này.

4. Lựa chọn nhà đầu tư: theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

5. Ký kết và triển khai thực hiện hợp đồng: theo quy định tại Điều 12, 13, 14, 15 của Quy định này.

6. Lập thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được duyệt: theo quy định tại Điều 16 của Quy định này.

7. Giám sát, bàn giao, kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định tại Điều 17, 18, 21 của Quy định này.

Điều 7. Chi phí dự án

1. Chi phí dự án theo quy định của pháp luật xây dựng, bảo vệ môi trường và pháp luật liên quan, bao gồm:

a) Chi phí lập, thẩm tra (nếu có), thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án;

b) Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường và các quy định liên quan;

c) Chi phí hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức quản lý dự án; chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư;

d) Chi phí thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện một số hoạt động thuộc trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án, cơ quan ký kết hợp đồng;

đ) Chi phí tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;

e) Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đàm phán hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan;

g) Chi phí nâng cấp, sửa chữa, nạo vét;

h) Các chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác liên quan đến dự án.

2. Chi phí tại điểm đ khoản 1 Điều này từ nguồn chi thường xuyên ngân sách Thành phố và Nhà đầu tư được lựa chọn hoàn trả theo hình thức nộp vào ngân sách Thành phố.

3. Chi phí quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này lấy từ nguồn vốn do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án chi trả, hoàn trả.

Điều 8. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án

Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Sự cần thiết đầu tư, lợi thế của việc đầu tư so với hình thức đầu tư khác.

2. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

3. Mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện dự án; khối lượng nâng cấp, sửa chữa, nạo vét; thành phần sản phẩm từ hoạt động nạo vét theo số liệu khảo sát địa chất; mục đích và nhu cầu sử dụng sản phẩm từ hoạt động nạo vét; khối lượng sản phẩm thu hồi.

4. Tiến độ, thời gian thực hiện dự án bao gồm: thời hạn hợp đồng, thời gian thi công.

5. Thuyết minh yêu cầu về phương án nạo vét, phương án tổ chức quản lý, tiêu chuẩn chất lượng của công trình, phương án xử lý đối với phần sản phẩm từ hoạt động nạo vét không tận thu (nếu có). Hồ sơ thiết kế theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan.

6. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).

7. Chi phí thực hiện dự án (bao gồm các chi phí được quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy định này; thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản liên quan đến dự án theo quy định); giá trị sản phẩm thu hồi từ hoạt động nạo vét được xác định theo quy định tại Điều 19 Quy định này; dự kiến sử dụng vốn nhà nước trong dự án (nếu có); phương án thanh toán phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm thu hồi từ hoạt động nạo vét theo quy định tại Điều 20 Quy định này.

8. Khả năng huy động vốn để thực hiện dự án.

9. Phân tích rủi ro, biện pháp quản lý rủi ro của dự án.

10. Các hình thức ưu đãi (nếu có).

11. Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

12. Các ứng dụng công nghệ đo đạc, khảo sát, bản đồ số, hệ thống thông tin địa lý (GIS), viễn thám, thiết bị bay không người lái (UAV), mô hình thông tin công trình (BIM), công nghệ quan trắc, giám sát và các giải pháp số đã thực hiện trong việc khảo sát hiện trạng, xác định khối lượng nạo vét, quản lý chất lượng, giám sát thi công và quản lý, khai thác dữ liệu (nếu có).

Điều 9. Tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và phê duyệt dự án

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và phê duyệt dự án nhóm B, C theo quy định pháp luật xây dựng, pháp luật liên quan trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

2. Không phê duyệt dự án có kinh phí thanh toán phần chênh lệch quy định tại khoản 2 Điều 20 Quy định này lớn hơn 50% tổng chi phí thực hiện dự án.

3. Doanh nghiệp lập báo cáo nghiên cứu khả thi chịu mọi chi phí, rủi ro khi dự án không được phê duyệt. Trường hợp dự án được phê duyệt nhưng Doanh nghiệp lập báo cáo nghiên cứu khả thi không được lựa chọn làm nhà đầu tư thì nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm hoàn trả lại chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi (đã được cơ quan nhà nước thẩm định và phê duyệt) cho Doanh nghiệp được chấp thuận ban đầu dưới sự giám sát chặt chẽ của các đơn vị có liên quan.

Điều 10. Điều chỉnh dự án

1. Dự án được xem xét điều chỉnh trong trường hợp sau đây:

a) Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng;

b) Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội cho dự án;

c) Quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi gây ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu, địa điểm, quy mô của dự án;

d) Không lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án.

2. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và phê duyệt điều chỉnh dự án theo quy định tại Điều 9 Quy định này đối với nội dung điều chỉnh.

Điều 11. Lựa chọn nhà đầu tư

Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy trình chỉ định nhà đầu tư rút gọn theo quy định của Luật Đấu thầu và Luật Phát triển đô thị; cụ thể:

1. Sau khi có quyết định phê duyệt dự án, bên mời thầu trình cơ quan có thẩm quyền dự thảo quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư kèm theo dự thảo hợp đồng.

2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả chỉ định nhà đầu tư; quyết định gồm nội dung: tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư của dự án; địa điểm thực hiện dự án; tên nhà đầu tư trúng thầu và các thông tin khác (nếu có). Bên mời thầu đăng tải kết quả chỉ định nhà đầu tư theo quy định.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt kết quả chỉ định nhà đầu tư, bên mời thầu xây dựng yêu cầu về năng lực và yêu cầu nhà đầu tư đề xuất về hiệu quả đầu tư dự án. Bên mời thầu đánh giá đề xuất của nhà đầu tư theo phương pháp đạt, không đạt.

Trường hợp nhà đầu tư đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu, bên mời thầu đàm phán, hoàn thiện dự thảo hợp đồng với nhà đầu tư, các bên liên quan (nếu có) về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện dự án và nội dung cần thiết khác (nếu có). Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với nhà đầu tư không thành công, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định.

4. Căn cứ kết quả đàm phán, việc ký kết và đăng tải thông tin chủ yếu của hợp đồng được thực hiện theo quy định.

Điều 12. Ký kết hợp đồng dự án

1. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, kết quả đàm phán hợp đồng, hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư còn hiệu lực.

2. Cơ quan ký kết hợp đồng: Cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký kết hợp đồng với nhà đầu tư.

3. Đối với nhà đầu tư liên danh, tất cả các thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào hợp đồng.

Điều 13. Nội dung hợp đồng dự án

1. Nội dung cơ bản của hợp đồng dự án:

a) Thông tin về các bên trong hợp đồng;

b) Mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện dự án; khối lượng nâng cấp, sửa chữa, nạo vét và phương án điều chỉnh khối lượng nâng cấp, sửa chữa, nạo vét, khối lượng sản phẩm thu hồi và điều chỉnh khối lượng sản phẩm thu hồi; mục đích sử dụng sản phẩm thu hồi; tiến độ, thời gian thực hiện dự án gồm thời hạn hợp đồng, thời hạn thi công; điều chỉnh tiến độ, thời gian thực hiện dự án;

c) Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công trình dự án;

d) Chi phí thực hiện dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Quy định này, đối với chi phí nạo vét thì đơn giá thi công nạo vét được thực hiện theo hình thức đơn giá cố định, phương án điều chỉnh chi phí thực hiện dự án khi điều chỉnh khối lượng nạo vét;

đ) Giá trị sản phẩm thu hồi; giá trị thanh toán và phương án thanh toán phần chênh lệch giữa giá trị sản phẩm thu hồi và chi phí thực hiện dự án; hình thức và thời hạn thanh toán;

e) Nguồn vốn thực hiện dự án, kế hoạch thu xếp tài chính;

g) Bàn giao mặt bằng xây dựng; bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có);

h) Thiết kế, tổ chức thi công, kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng, nghiệm thu, quyết toán dự án; bàn giao dự án;

i) Bảo đảm thực hiện hợp đồng;

k) Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng; trách nhiệm thực hiện các thủ tục xin cấp phép theo quy định của pháp luật có liên quan;

l) Trách nhiệm lắp đặt thiết bị cân, thiết bị đo đạc phục vụ công tác kiểm soát trữ lượng, khối lượng sản phẩm thu hồi;

m) Phương án xử lý trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự để tiếp tục thực hiện hợp đồng; xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện dự án; phạt hợp đồng;

n) Trách nhiệm của các bên liên quan đến bảo mật thông tin; chế độ báo cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát;

o) Sự kiện bất khả kháng và nguyên tắc xử lý;

p) Các hình thức ưu đãi (nếu có);

q) Các nguyên tắc, điều kiện sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; quyền và nghĩa vụ các bên khi thanh lý hợp đồng;

r) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng và cơ chế giải quyết tranh chấp;

s) Hiệu lực và thời hạn hợp đồng dự án; sửa đổi hợp đồng; chấm dứt hợp đồng;

t) Các nội dung khác theo thỏa thuận giữa các bên ký kết bảo đảm phù hợp quy định pháp luật.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng dự án bao gồm phụ lục, tài liệu có liên quan là bộ phận không tách rời của hợp đồng dự án.

3. Nhà đầu tư thực hiện nộp ngân sách địa phương thực hiện dự án tiền phạt theo hợp đồng dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thời hạn hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng, sửa đổi hợp đồng dự án, chấm dứt hợp đồng dự án

1. Thời hạn hợp đồng dự án do các bên thỏa thuận trên cơ sở dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Hợp đồng dự án được sửa đổi khi điều chỉnh dự án và các trường hợp khác được các bên thỏa thuận tại hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Chấm dứt hợp đồng dự án

a) Việc chấm dứt hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại hợp đồng.

b) Việc chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn chỉ áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng mà các bên đã thực hiện các biện pháp khắc phục nhưng không bảo đảm việc tiếp tục thực hiện hợp đồng dự án;

- Vì lợi ích quốc gia; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước;

- Khi nhà đầu tư mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

- Khi một trong các bên trong hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng;

- Trường hợp khác do hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự. Các bên ký kết hợp đồng thỏa thuận về chấm dứt hợp đồng.

Điều 15. Điều kiện triển khai và lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án

1. Dự án được triển khai sau khi hợp đồng dự án được ký kết và thực hiện đầy đủ các thủ tục về môi trường, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và các thủ tục khác theo quy định.

2. Nhà đầu tư tự thực hiện hoặc lựa chọn nhà thầu tư vấn, thi công, nhà thầu khác để thực hiện các công việc của dự án với yêu cầu đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định pháp luật. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với quyết định của mình.

Điều 16. Lập thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt

1. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án quyết định số bước thiết kế xây dựng khi phê duyệt dự án.

2. Nhà đầu tư lập thiết kế, điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt gửi cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án để thống nhất trước khi phê duyệt. Sau khi phê duyệt, nhà đầu tư gửi cơ quan ký hợp đồng hồ sơ thiết kế, điều chỉnh thiết kế xây dựng, triển khai sau khi dự án được phê duyệt để giám sát, kiểm tra.

3. Việc lập, thẩm tra, phê duyệt thiết kế, điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 17. Giám sát thực hiện hợp đồng dự án

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ của dự án; tổ chức lựa chọn tư vấn độc lập để giám sát môi trường, giám sát thi công xây dựng theo thiết kế, phương án thi công, hợp đồng dự án; phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn giám sát môi trường, giám sát thi công sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan ký kết hợp đồng.

2. Cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức giám sát việc tuân thủ các nghĩa vụ của nhà đầu tư theo quy định tại hợp đồng dự án và quy định tại Quy định này. Cơ quan ký kết hợp đồng thuê tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng dự án.

3. Chi phí thuê tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng dự án quy định tại khoản 2 Điều này được nhà đầu tư chuyển vào tài khoản của cơ quan ký kết hợp đồng để thực hiện thanh toán cho đơn vị tư vấn.

Điều 18. Bàn giao dự án

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn tư vấn độc lập để thực hiện khảo sát phục vụ nghiệm thu giai đoạn và hoàn thành dự án, kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn độc lập để thực hiện khảo sát phục vụ nghiệm thu giai đoạn và hoàn thành dự án, kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan ký kết hợp đồng.

2. Nhà đầu tư báo cáo cơ quan ký kết hợp đồng để tổ chức khảo sát đo đạc, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án, bàn giao dự án.

3. Trách nhiệm kiểm tra khảo sát đo đạc, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án, bàn giao dự án: cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện dự án có trách nhiệm tổ chức kiểm tra khảo sát đo đạc, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án và nhận bàn giao từ nhà đầu tư; thanh quyết toán theo hợp đồng dự án; thanh lý hợp đồng dự án; bàn giao đơn vị quản lý vận hành.

4. Sau khi hoàn thành và bàn giao dự án, đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm cập nhật thông tin lên Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định tại Điều 7 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; tổ chức quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình theo quy định; thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi gây tái bồi lắng, xả thải hoặc khai thác, sử dụng công trình không đúng quy định.

Điều 19. Xác định giá trị sản phẩm thu hồi

1. Giá trị sản phẩm thu hồi được xác định như sau:

Giá trị sản phẩm thu hồi	= (bằng)	Khối lượng sản phẩm thu hồi	x (nhân)	Giá sản phẩm thu hồi

2. Giá sản phẩm thu hồi là giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

3. Khối lượng sản phẩm thu hồi là khối lượng của phần sản phẩm từ hoạt động nạo vét thu hồi từ dự án trên cơ sở kết quả khảo sát, thăm dò.

Điều 20. Nguyên tắc thanh toán giá trị phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm thu hồi

1. Trường hợp chi phí thực hiện dự án nhỏ hơn giá trị sản phẩm thu hồi thì nhà đầu tư có trách nhiệm nộp phần chênh lệch vào ngân sách nhà nước. Phần chênh lệch này không thấp hơn giá trị trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký kết.

2. Trường hợp chi phí thực hiện dự án lớn hơn giá trị sản phẩm thu hồi thì cơ quan có thẩm quyền xác định giá trị phần chênh lệch và thực hiện thanh toán cho nhà đầu tư. Kinh phí thanh toán phần chênh lệch được sử dụng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước như sau: Sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán phần chênh lệch. Phần chênh lệch này không cao hơn giá trị trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký kết. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án trình Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp dự toán chi phí thực hiện dự án phải thanh toán cho nhà đầu tư trong chi ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Đầu tư công và thanh toán cho nhà đầu tư sau khi được bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Điều 21. Kiểm toán và quyết toán vốn đầu tư

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án theo quy định.

2. Quyết toán vốn đầu tư là việc xác định phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm thu hồi sau khi hoàn thành dự án do cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện dự án và nhà đầu tư ký kết phù hợp quy định của pháp luật.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Quy định này; chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và thực hiện cơ chế hậu kiểm đối với các nội dung được phân cấp, phân quyền và đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục theo Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành Thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thực hiện Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện hoạt động nâng cấp, sửa chữa, nạo vét; phối hợp theo dõi, giám sát quá trình thi công, nghiệm thu kết quả thực hiện tại địa bàn; kịp thời phát hiện, phản ánh và xử lý các trường hợp thi công không đúng phạm vi, quy mô, phương án được phê duyệt, gây ảnh hưởng đến an toàn công trình, môi trường và đời sống của người dân.

4. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý, khai thác các công trình hồ chứa nước, đập chứa nước, ao, đầm có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin về hiện trạng, quản lý, khai thác, vận hành công trình, các nội dung có liên quan và phối hợp với nhà đầu tư trong quá trình khảo sát, lập, thực hiện, nghiệm thu, bàn giao dự án.

b) Theo dõi, giám sát việc thực hiện dự án trong phạm vi quản lý; kịp thời phát hiện, báo cáo và đề xuất xử lý các trường hợp thực hiện không đúng phạm vi, quy mô, thiết kế, phương án được phê duyệt hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn công trình, môi trường và hoạt động khai thác, sử dụng.

c) Tiếp nhận, quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình sau khi hoàn thành, bàn giao và thường xuyên theo dõi tình hình bồi lắng, kịp thời báo cáo khi phát sinh nguy cơ mất an toàn hoặc tái bồi lắng ảnh hưởng đến khả năng vận hành, khai thác công trình.

5. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan./.